

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 8 năm 2025

HƯỚNG DẪN
LỰA CHỌN TỔ HỢP MÔN HỌC LỚP 10, NĂM HỌC 2025-2026

I. Mục đích

Hướng dẫn học sinh và phụ huynh lựa chọn tổ hợp môn học lớp 10 phù hợp với năng lực, sở thích và định hướng nghề nghiệp của học sinh. Qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả học tập và đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

II. Nguyên tắc lựa chọn

Mỗi học sinh lựa chọn 01 (một) tổ hợp môn học do nhà trường đã xây dựng trên cơ sở Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo các hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, điều kiện thực tế của nhà trường, nguyện vọng và năng lực của học sinh.

Việc lựa chọn tổ hợp cần dựa trên năng lực học tập, nguyện vọng cá nhân và định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

Nhà trường tổ chức các lớp học tương ứng với các tổ hợp được lựa chọn dựa trên số lượng học sinh đăng ký.

III. Cách thức đăng kí

- Học sinh **đăng kí trực tuyến** tổ hợp môn học lựa chọn theo hướng dẫn tại đường link và mã QR tại website của trường địa chỉ: vungcaovietbac.edu.vn

Thời hạn đăng kí: chậm nhất 21h00, thứ 7, ngày 09/8/2025

- Học sinh đăng ký và **điền thông tin vào phiếu đăng kí** tổ hợp môn học lựa chọn (theo mẫu), có chữ kí của học sinh, phụ huynh và nộp tại trường vào ngày nhập học.

IV. Danh sách tổ hợp môn học của nhà trường năm học 2025-2026

Theo chương trình giáo dục phổ thông 2018, học sinh sẽ học các môn và hoạt động giáo dục bắt buộc gồm: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh, Hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp và Giáo dục địa phương.

Bên cạnh đó, học sinh chọn **04 môn tự chọn** từ các môn: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tin học, Công nghệ, Âm nhạc, Mỹ thuật.

Căn cứ điều kiện thực tiễn, trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc xây dựng 04 tổ hợp môn học tự chọn như sau:

STT	Tên tổ hợp	Môn tự chọn	Chuyên đề học tập	Khối thi đại học	Gợi ý lĩnh vực ngành nghề phù hợp
1	Tổ hợp Khoa học Tự nhiên 1	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học	Toán, Vật lí, Hóa học	A00 A01 A02 B00 C03 D01 D07 ...	Y – Dược, Công nghệ sinh học, Kỹ thuật, Công nghệ thông tin, Công an, Quân đội, Môi trường, Sư phạm KHTN, Nông – Lâm – Ngư nghiệp, Ngôn ngữ Anh, Kinh tế – quản lý, Luật – truyền thông...
2	Tổ hợp Khoa học Tự nhiên 2	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học	Toán, Hóa học, Sinh học	A09 A10 C00 C01 C03 C04 C19 C20 D01 ...	Nông nghiệp, Báo chí, Quản lí tài nguyên, Luật, Hành chính công, Công an, Quân đội, Xã hội học, Sư phạm, Ngôn ngữ Anh, Kinh tế – quản lí...
3	Tổ hợp Khoa học Xã hội 1	Vật lí, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Công nghệ trồng trọt	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	A00 A10 C00 C01 C03 C04 C19 C20 D01 ...	Kỹ thuật cơ khí, Cơ điện tử, Tự động hóa, Công an, Quân đội, Quản trị công nghiệp, Sư phạm kỹ thuật, Báo chí, Xã hội học, Luật, Quản lí công, Ngôn ngữ Anh, Kinh tế – quản lí...
4	Tổ hợp Khoa học Xã hội 2	Vật lí, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Công nghệ thiết kế	Toán, Ngữ văn, Vật lí	A00 A10 C00 C01 C03 C04 C19 C20 D01 ...	

V. Cách lựa chọn tổ hợp môn học lớp 10 hiệu quả

Để lựa chọn tổ hợp môn học phù hợp, học sinh cần cân nhắc đồng thời các yếu tố sau:

1. Năng lực học tập

Việc lựa chọn tổ hợp môn phù hợp với năng lực giúp học sinh phát huy thế mạnh, đạt kết quả cao và tránh học lệch. Ví dụ:

- Học sinh có tư duy logic, khả năng tính toán tốt nên ưu tiên tổ hợp Toán – Vật lí – Hóa học (khối A00) hoặc Toán – Vật lí – Tiếng Anh (khối A01).
- Học sinh học tốt Sinh học và Hóa học phù hợp với tổ hợp Toán – Hóa học – Sinh học (khối B00), hướng đến các ngành Y – Dược.

2. Sở thích và nguyện vọng

Sở thích là yếu tố quan trọng tạo động lực và hứng thú trong học tập, tuy nhiên cần cân đối với năng lực và định hướng nghề nghiệp. Ví dụ:

- Học sinh yêu thích ngôn ngữ, sáng tác, phân tích văn bản có thể chọn tổ hợp Ngữ văn – Lịch sử – Địa lí (khối C00), phù hợp với các ngành khoa học xã hội.

- Học sinh đam mê công nghệ, máy tính phù hợp với tổ hợp Toán – Vật lí – Tin học, định hướng các ngành Công nghệ thông tin, Kỹ thuật phần mềm...

3. Định hướng nghề nghiệp

Việc lựa chọn tổ hợp nên gắn với mục tiêu nghề nghiệp trong tương lai:

- Tổ hợp Khoa học Tự nhiên phù hợp với các lĩnh vực: Kỹ thuật – Công nghệ, Y – Dược, Tài nguyên – Môi trường, Sản xuất – Chế biến, Công an, Quân đội, Quản trị kinh doanh, Kinh tế...

- Tổ hợp Khoa học Xã hội phù hợp với các lĩnh vực: Sư phạm, Công an, Quân đội, Luật, Báo chí – Truyền thông, Du lịch – Lễ hành, Ngôn ngữ, Quản lí nhà nước, Quan hệ công chúng...

(Học sinh có thể tham khảo Phụ lục tổng hợp các tổ hợp xét tuyển Đại học năm 2025 gửi kèm theo hướng dẫn này).

*** Các phương thức xét tuyển đại học hiện nay**

Các trường đại học hiện nay áp dụng nhiều phương thức tuyển sinh nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh, bao gồm:

- Xét tuyển bằng điểm thi tốt nghiệp THPT (truyền thống, phổ biến nhất).

- Xét tuyển bằng kết quả thi đánh giá năng lực hoặc đánh giá tư duy

Áp dụng tại các trường như: Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Thái Nguyên, các trường thuộc Bộ Công an...

- Xét học bạ THPT

- Xét tuyển bằng chứng chỉ quốc tế (IELTS, TOEFL, SAT...) – quy đổi thành điểm xét tuyển hoặc điểm cộng.

- Tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xét tuyển kết hợp: học bạ và chứng chỉ, thi năng khiếu, phỏng vấn, hoặc kết hợp giữa điểm tốt nghiệp và đánh giá năng lực...

VI. Lưu ý đối với học sinh và phụ huynh

- Cần cân nhắc kỹ lưỡng trước khi lựa chọn tổ hợp môn học, tránh thay đổi nhiều lần gây ảnh hưởng đến kết quả học tập; việc thay đổi tổ hợp môn học lựa chọn chỉ có thể thực hiện khi kết thúc năm học.

- Tham khảo ý kiến của thầy cô giáo.

- Sau khi nhà trường tổng hợp đăng ký, việc thay đổi sẽ hạn chế hoặc không được chấp nhận nếu không có lí do chính đáng.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (b/c);
- Hội đồng chủ nhiệm (t/h);
- Đăng website trường;
- Lưu: VT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Thanh Huệ

PHỤ LỤC
TỔNG HỢP CÁC TỔ HỢP XÉT ĐẠI HỌC NĂM 2025

1. Danh sách các tổ hợp xét tuyển đại học 2025 khối A

STT	Tổ hợp	Môn chi tiết	Trường xét tuyển	Ngành
1	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	254 trường	1353 ngành
2	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	237 trường	1468 ngành
3	A02	Toán, Vật lí, Sinh học	66 trường	132 ngành
4	A03	Toán, Vật lí, Lịch sử	7 trường	33 ngành
5	A04	Toán, Vật lí, Địa lí	12 trường	53 ngành
6	A05	Toán, Hóa học, Lịch sử	3 trường	37 ngành
7	A06	Toán, Hóa học, Địa lí	8 trường	36 ngành
8	A07	Toán, Lịch sử, Địa lí	22 trường	44 ngành
9	A08	Toán, Lịch sử, GDKTPL	7 trường	11 ngành
10	A09	Toán, Địa lý, GDKTPL	21 trường	41 ngành
11	A10	Toán, Vật lí, GDKTPL	9 trường	19 ngành
12	A11	Toán, Hóa học, GDKTPL	5 trường	8 ngành

2. Danh sách các tổ hợp xét tuyển đại học 2025 khối B

STT	Tổ hợp	Môn chi tiết	Trường xét tuyển	Ngành
1	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	149 trường	311 ngành
2	B02	Toán, Sinh học, Địa lí	8 trường	33 ngành
3	B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	37 trường	74 ngành
4	B04	Toán, Sinh học, GDKTPL	12 trường	45 ngành
5	B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	45 trường	121 ngành

3. Danh sách các tổ hợp xét tuyển đại học 2025 khối C

STT	Tổ hợp	Môn chi tiết	Trường xét tuyển	Ngành
1	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	146 trường	261 ngành
2	C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	79 trường	336 ngành

3	C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	36 trường	143 ngành
4	C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	46 trường	132 ngành
5	C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	58 trường	183 ngành
6	C05	Ngữ văn, Vật lí, Hóa học	5 trường	27 ngành
7	C06	Ngữ Văn, Vật lí, Sinh học	1 trường	27 ngành
8	C08	Ngữ văn, Hóa học, Sinh học	17 trường	19 ngành
9	C12	Ngữ văn, Lịch sử, Sinh học	1 trường	1 ngành
10	C13	Ngữ văn, Sinh học, Địa lí	2 trường	3 ngành
11	C14	Ngữ văn, Toán, GDKTPL	44 trường	113 ngành
12	C17	Ngữ văn, Hóa học, GDKTPL	1 trường	2 ngành
13	C19	Ngữ văn, Lịch sử, GDKTPL	trường	70 ngành
14	C20	Ngữ văn, Địa lí, GDKTPL	45 trường	68 ngành

4. Danh sách các tổ hợp xét tuyển đại học 2025 khối D

STT	Tổ hợp	Môn chi tiết	Trường xét tuyển	Ngành
1	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	230 trường	1404 ngành
2	D02	Ngữ văn, Toán, Tiếng Nga	15 trường	85 ngành
3	D03	Ngữ văn, Toán, Tiếng Pháp	32 trường	135 ngành
4	D04	Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung	45 trường	123 ngành
5	D05	Ngữ văn, Toán, Tiếng Đức	10 trường	83 ngành
6	D06	Ngữ văn, Toán, Tiếng Nhật	32 trường	127 ngành
7	D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	144 trường	828 ngành
8	D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	57 trường	123 ngành
9	D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh	47 trường	197 ngành
10	D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh	61 trường	139 ngành
11	D11	Ngữ văn, Vật lí, Tiếng Anh	11 trường	36 ngành
12	D12	Ngữ văn, Hóa học, Tiếng Anh	7 trường	27 ngành
13	D13	Ngữ văn, Sinh học, Tiếng Anh	7 trường	11 ngành
14	D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	111 trường	172 ngành
15	D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	100 trường	152 ngành

16	D20	Toán, Địa lí, Tiếng Trung	1 trường	2 ngành
17	D21	Toán, Hóa học, Tiếng Đức	2 trường	62 ngành
18	D22	Toán, Hóa học, Tiếng Nga	2 trường	62 ngành
19	D23	Toán, Hóa học, Tiếng Nhật	6 trường	76 ngành
20	D24	Toán, Hóa học, Tiếng Pháp	5 trường	70 ngành
21	D25	Toán, Hóa học, Tiếng Trung	2 trường	62 ngành
22	D26	Toán, Vật lí, Tiếng Đức	5 trường	76 ngành
23	D27	Toán, Vật lí, Tiếng Nga	3 trường	70 ngành
24	D28	Toán, Vật lí, Tiếng Nhật	10 trường	86 ngành
25	D29	Toán, Vật lí, Tiếng Pháp	6 trường	76 ngành
26	D30	Toán, Vật lí, Tiếng Trung	3 trường	70 ngành
27	D31	Toán, Sinh học, Tiếng Đức	1 trường	1 ngành
28	D32	Toán, Sinh học, Tiếng Nga	1 trường	1 ngành
29	D33	Toán, Sinh học, Tiếng Nhật	3 trường	6 ngành
30	D34	Toán, Sinh học, Tiếng Pháp	1 trường	1 ngành
31	D35	Toán, Sinh học, Tiếng Trung	1 trường	1 ngành
32	D42	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Nga	2 trường	14 ngành
33	D43	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Nhật	1 trường	1 ngành
34	D44	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Pháp	3 trường	4 ngành
35	D45	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Trung	4 trường	2 ngành
36	D55	Ngữ văn, Vật lí, Tiếng Trung	1 trường	1 ngành
37	D63	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Nhật	3 trường	3 ngành
38	D64	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Pháp	2 trường	4 ngành
39	D65	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Trung	1 trường	1 ngành
40	D66	Ngữ văn, GDKTPL, Tiếng Anh	48 trường	99 ngành
41	D68	Ngữ văn, GDKTPL, Tiếng Nga	1 trường	1 ngành
42	D70	Ngữ Văn, GDKTPL, Tiếng Pháp	1 trường	1 ngành
43	D71	Ngữ văn, GDKTPL, Tiếng Trung	2 trường	2 ngành
44	D84	Toán, Tiếng Anh; GDKTPL	23 trường	92 ngành

5. Các tổ hợp mới xuất hiện từ năm 2025

STT	Tổ hợp	Trường	Ngành
1	Toán, Anh, Tin	9 trường	53 ngành
2	Toán, Văn, Tin	7 trường	57 ngành
3	Toán, Lí, Tin	11 trường	110 ngành
4	Toán, Lí, Công nghệ	8 trường	118 ngành
5	Toán, Hóa, Công nghệ	5 trường	43 ngành
6	Toán, Anh, Công nghệ	4 trường	27 ngành
7	Toán, Sinh, Công nghệ	3 trường	11 ngành

(Nguồn: Internet)